γ ..... ζ — Lycopen $C_{40}H_{56}$ — Caroten — ~~α, β caroten~~ — vitamin A

bí, huyết thanh, gan, quả

cắt đôi caroten [β .....]

→ vitamin A

caroten: gấc, cà chua, bơ, sữa

vitamin A: gan cá, lòng đỏ trứng → mắt, sức đề kháng

TERPEN - TERPENOID

ocimen



- HƯƠNG: ocimen
- CHANH, SẢ, HOA HỒNG } citral } citronellol, citronellal

limonen



- limonen (L): tinh dầu cam, chanh; (D): tinh dầu thông lá kim; Racemic: nhựa thông
- ~~bạc hà~~ menthol, menthon → bạc hà
- terpinen; terpin → long đờm

camphen

camphen, camphor → tinh dầu long não → kích thích thần kinh

pinen



ANCOL

Danh pháp

Thg: ancol metylic, glycerol

IUPAC: methanol, propan-1,2,3-triol

TCHH

- TÍNH ACID < H_2O
- S_N thế -OH: Ancol Bậc 1 → S_N2; Ancol Bậc 3 → S_N1. $CH_3OH + HCl \rightarrow CH_3Cl + H_2O$
- Oxy hóa:
  - Ancol bậc 1 [O] → PCC (CrO_3 + HCl + pyridin) → anđehyde -CHO
  - Ancol bậc 2 [O] → JON (CrO_3 + H_2SO_4 + aceton) → acid -COOH; → ceton >C=O

ứng dụng

- Ethanol: sát trùng, kích thích tiêu hóa, thần kinh (nhiều = độc), dung môi, nhiên liệu
- methanol: độc → mù, dại
- glycerol: tá dược
- sorbitol → nhuận tràng
- ↑ DPGH ↓
- mannitol → chữa phù não, ↓ áp lực nội sọ, nhãn áp

LIVEWORKSHEETS